

Mẫu của phương án xây dựng xí nghiệp được ghi theo bản phụ lục kèm theo thông tư này.

Muốn được nhanh chóng, cơ quan xin duyệt địa điểm xí nghiệp phải bảo đảm ghi tất cả các yêu cầu từng điểm trong phương án để có đủ tài liệu nghiên cứu và phải gửi đủ 2 loại bản đồ và định ngày yêu cầu trả lời của cơ quan y tế.

Bước 2 :

Cơ quan y tế nghiên cứu hồ sơ và đi điều tra thực địa.

Sau khi nhận được hồ sơ xin duyệt địa điểm xây dựng xí nghiệp về mặt vệ sinh, cơ quan y tế được giao trách nhiệm nghiên cứu kỹ hồ sơ xem tất cả các yêu cầu của phương án xin duyệt địa điểm đã đầy đủ chưa, nếu có điểm nào chưa rõ hoặc chưa đủ thì hỏi lại cơ quan xin địa điểm.

Cơ quan y tế tổ chức đi điều tra thực địa cùng với cơ quan xin xét duyệt địa điểm để đối chiếu với các tài liệu đã được cung cấp và yêu cầu cơ quan xin duyệt địa điểm giải thích những điểm cần thiết trên thực địa.

Bước 3 :

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và đi điều tra thực địa, cơ quan y tế phân loại xí nghiệp theo cấp độc hại rồi đặt các yêu cầu về vệ sinh đối với địa điểm xin duyệt như : xử lý nước thải, khoảng cách đối với khu nhà ở lân cận, yêu cầu xử lý bụi, v.v... và trả lời chính thức cho cơ quan xin xét duyệt địa điểm xí nghiệp.

Trong vòng 20 ngày kể từ khi nhận được công văn của cơ quan xin duyệt địa điểm thì cơ quan y tế phải trả lời bằng văn bản chính thức cho cơ quan này.

III. PHÂN CẤP VỀ VIỆC XÉT DUYỆT ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG XÍ NGHIỆP

Các xí nghiệp quan trọng quy định trong điểm a điều 15 của nghị định số 47-CP ngày 15-3-1973 có tác dụng quyết định đối với nền kinh tế quốc dân, có nhiều yếu tố phức tạp về địa điểm thì do Bộ Y tế xét duyệt. Cơ quan xin địa điểm gửi hồ sơ đến Bộ Y tế và Sở, Ty Y tế địa phương nơi có địa điểm của xí nghiệp. Hồ sơ trả lời của Bộ Y tế được gửi đến Phủ Thủ tướng, Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Kiến trúc, cơ quan xin duyệt địa điểm và Sở, Ty Y tế nơi có địa điểm.

Tất cả các xí nghiệp khác kể cả xí nghiệp trung ương ở địa phương đều phân cấp cho các Sở, Ty Y tế địa phương xét duyệt địa điểm.

Cơ quan xin duyệt địa điểm gửi hồ sơ đến Sở, Ty Y tế địa phương nơi có địa điểm xí nghiệp, Hồ sơ trả lời của Sở, Ty Y tế địa phương gửi đến Bộ Y tế, Ủy ban hành chính, Ủy ban Kiến thiết cơ bản, Ủy ban Kế hoạch tỉnh, thành, Ty Kiến trúc, cơ quan xin xét duyệt địa điểm và lưu tại Sở, Ty Y tế và trạm vệ sinh phòng dịch địa phương.

Công tác xét duyệt địa điểm xây dựng xí nghiệp về mặt vệ sinh là một công tác rất quan trọng vừa đảm bảo yêu cầu bảo vệ sức khỏe cho nhân dân xung quanh, vừa đảm bảo yêu cầu tạo điều kiện lao động tốt cho công nhân.

Bộ Y tế yêu cầu các cơ quan xin xét duyệt đảm bảo đầy đủ các thủ tục đã quy định để việc xét duyệt được thuận tiện.

Bộ Y tế yêu cầu các cấp lãnh đạo các Sở, Ty Y tế chỉ đạo chặt chẽ công tác xét duyệt địa điểm xây dựng xí nghiệp để đảm bảo sự phân cấp đã quy định. Trong khi thực hiện nếu gặp khó khăn trong việc giải quyết địa điểm, các Sở, Ty báo cáo về Bộ để được sự hướng dẫn cụ thể.

Hà Nội, ngày 26 tháng 2 năm 1973

K.T. Bộ trưởng Bộ Y tế

Thư trưởng

Bác sĩ **HOÀNG ĐÌNH CẦU**

BỘ VĂN HÓA

QUYẾT ĐỊNH số 05-VH/QĐ ngày 8-2-1973 ban hành quy chế về tổ chức và hoạt động của các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp địa phương.

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA

Căn cứ vào nghị định số 135-CP ngày 29-9-1961 và nghị định số 185-CP ngày 3-10-1970 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và sửa đổi tổ chức bộ máy của Bộ Văn hóa,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành bản quy chế về tổ chức và hoạt động của các Đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp địa phương, kèm theo quyết định này.

Điều 2. — Các ông Giám đốc Sở Văn hóa, Trưởng Ty Văn hóa giúp Ủy ban hành chính khu, thành phố, tỉnh thi hành; các ông Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức, Vụ trưởng Vụ Đào tạo, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Cục trưởng Cục biểu diễn nghệ thuật chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 8 tháng 2 năm 1973

Bộ trưởng Bộ Văn hóa

HOÀNG MINH GIÁM

QUY CHẾ

về tổ chức và hoạt động của các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp địa phương.

(ban hành kèm theo quyết định của Bộ Văn hóa số 05 VH/QĐ ngày 8-2-1973)

Chương I

NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1. — Các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp địa phương là tổ chức nghệ thuật của Nhà nước; là lực lượng nòng cốt để xây dựng phong trào nghệ thuật địa phương và góp phần xây dựng nền nghệ thuật của cả nước.

Hoạt động của các đoàn nghệ thuật là nhằm mục đích phục vụ các nhiệm vụ chính trị, chiến đấu, sản xuất và nâng cao đời sống văn hóa ở địa phương bằng cách:

— Góp phần giáo dục lòng yêu nước và tư tưởng tình cảm xã hội chủ nghĩa,

— Góp phần nâng cao kiến thức và thẩm mỹ cách mạng,

— Giữ gìn phát huy vốn nghệ thuật truyền thống của dân tộc ở địa phương, góp phần xây dựng nền nghệ thuật mới của cả nước,

— Gây không khí vui tươi, lành mạnh trong nhân dân.

Điều 2. — Muốn thành lập các đoàn nghệ thuật địa phương phải có chỉ tiêu do Ủy ban hành chính khu, tỉnh, thành phố duyệt, được Bộ Văn hóa công nhận và có đủ điều kiện theo quy chế này.

Điều 3. — Các đoàn nghệ thuật địa phương đều có quyền được hưởng các chế độ và thực hiện nhiệm vụ theo quy định chung của Nhà nước và Bộ Văn hóa.

Điều 4. — Từ nay các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp thành lập nếu không được Bộ Văn hóa công nhận, thì không được hưởng các chế độ đãi ngộ về hoạt động nghệ thuật mà Nhà nước và Bộ Văn hóa ban hành.

Chương II

VỊ TRÍ. NHIỆM VỤ CỦA ĐOÀN NGHỆ THUẬT CHUYÊN NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG

Điều 5. — Đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp địa phương là 1 đơn vị sự nghiệp có thu, 1 đơn vị quản lý độc lập, có con dấu riêng; được quản lý toàn diện và trực tiếp về lao động, kế hoạch, tài vụ v.v... của đoàn, được coi như 1 đơn vị quốc doanh, 1 xí nghiệp của Ty, Sở Văn hóa.

Điều 6. — Các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp địa phương có nhiệm vụ:

a) Dựa vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, dựa vào nhiệm vụ chính trị của địa phương đề sáng tác, tổ chức sáng tác và lựa chọn tiết mục biểu diễn phục vụ các nhiệm vụ chính trị, chiến đấu, sản xuất và đáp ứng yêu cầu đòi hỏi về nghệ thuật của nhân dân địa phương, đồng thời làm nhiệm vụ doanh thu cho Nhà nước.

b) Trên cơ sở đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng và Nhà nước có kế hoạch sưu tầm, khai thác, chỉnh lý, cải biên, thử nghiệm và nâng cao vốn nghệ thuật cổ truyền của địa phương, góp phần làm phong phú thêm nền nghệ thuật cả nước.

c) Làm mẫu mực cho việc xây dựng và phát triển phong trào văn nghệ quần chúng ở địa phương; học tập phong trào văn nghệ quần chúng để làm cơ sở xây dựng tiết mục bổ sung cho đoàn.

— Hàng năm đoàn có chỉ tiêu kế hoạch giúp đỡ các tổ, đội văn nghệ quần chúng ở cơ sở xã, cơ quan, trường học, xí nghiệp về các mặt sáng tác, đạo diễn và biểu diễn.

d) Xây dựng và thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch ngắn hạn và dài hạn của Nhà nước. Và quản lý tài sản của Đoàn theo chế độ, nguyên tắc chung của Nhà nước.

e) Xây dựng và thực hiện kế hoạch rèn luyện, bồi dưỡng quan điểm, lập trường, đạo đức cách

mạng và nâng cao trình độ văn hóa, nghiệp vụ cho cán bộ, diễn viên và công nhân trong đoàn.

g) Tổ chức quản lý và thường xuyên chăm lo đời sống cho đội ngũ cán bộ, diễn viên và công nhân trong đoàn.

Thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ, chính sách của Nhà nước và Bộ Văn hóa đã ban hành.

Chương III

NHỮNG ĐIỀU KIỆN ĐỂ THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOÀN NGHỆ THUẬT

A. Về tổ chức biên chế, trách nhiệm, quyền hạn của đoàn.

Điều 7. — Tổ chức Đoàn bao gồm :

- Đoàn trưởng và một hoặc hai đoàn phó,
- Đội diễn viên và đội nhạc.
- Tổ chuyên môn, tổ hậu đài và tổ hành chính — quản trị.

Điều 8. — Trách nhiệm và quyền hạn của lãnh đạo đoàn, các đội, tổ trưởng, cán bộ, diễn viên, công nhân trong đoàn :

a) Đoàn trưởng chỉ đạo chung mọi mặt hoạt động của đoàn chủ yếu là nội dung chính trị và tổ chức hoạt động và trực tiếp chỉ đạo một phần công tác của đoàn như chỉ đạo nghệ thuật, hoặc chính trị tư tưởng, hoặc quản lý kinh tế tài chính.

Đoàn trưởng trên cơ sở lãnh đạo tập thể có quyền quyết định mọi mặt công tác của đoàn, đồng thời chịu trách nhiệm trước cơ quan cấp trên về những quyết định của mình.

b) Đoàn phó giúp đoàn trưởng tham gia chỉ đạo chung và do đoàn trưởng phân công phụ trách từng phần công tác của đoàn như chỉ đạo chính trị tư tưởng, hoặc quản lý kinh tế tài chính, hoặc chỉ đạo nghệ thuật.

Đoàn phó có quyền quyết định công việc mình phụ trách theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách và chế độ thủ trưởng.

c) Đội diễn viên và đội nhạc là lực lượng nòng cốt của đoàn có nhiệm vụ luyện tập, xây dựng tiết mục, biểu diễn phục vụ quần chúng theo kế hoạch của đoàn, và không ngừng nâng cao diễn xuất chung.

d) Tổ chuyên môn : bao gồm cán bộ sáng tác, đạo diễn, họa sĩ, chỉ huy nhạc có nhiệm vụ nghiên cứu và theo dõi các hoạt động nghệ thuật của Đoàn, tổ chức sáng tác, dàn dựng tiết mục, thiết kế mỹ thuật, lập chương trình biểu diễn. Hướng

dẫn, huấn luyện cho diễn viên và nâng cao chất lượng sáng tác, biểu diễn của đoàn.

e) Tổ hậu đài bao gồm công nhân kỹ thuật ánh sáng, phóng thanh, điện, máy nổ, công nhân dàn cảnh v.v... rất cần thiết trong công tác tổ chức biểu diễn, có nhiệm vụ thực hiện thiết kế mỹ thuật, lắp ráp sân khấu và đảm bảo kỹ thuật biểu diễn của đoàn.

g) Tổ hành chính — quản trị bao gồm cán bộ, nhân viên hành chính, quản trị, giao dịch, y sĩ, tiếp liệu, lái xe v.v... quan hệ mật thiết trong các hoạt động của đoàn, có nhiệm vụ tạo điều kiện thuận lợi và phục vụ cho các hoạt động, sáng tác, xây dựng tiết mục, biểu diễn và chăm lo đời sống cán bộ, diễn viên và công nhân trong đoàn.

Các đội trưởng, tổ trưởng có quyền quyết định các mặt công tác của tổ theo chương trình kế hoạch chung của đoàn.

Tất cả cán bộ, diễn viên và công nhân trong đoàn có quyền bàn bạc dân chủ phương hướng hoạt động, kế hoạch, chương trình công tác v.v... của đoàn.

Điều 9. — Tất cả cán bộ lãnh đạo, chuyên môn, diễn viên, hậu đài và hành chính — quản trị, căn cứ theo trách nhiệm công tác của mỗi người đều được học tập văn hóa, chính trị, đường lối, chính sách, tiết học, mỹ học, lý luận văn học nghệ thuật và nghiệp vụ chuyên môn.

Điều 10. — Biên chế của mỗi đoàn :

— Các đoàn chèo, dân ca, cải lương và tuồng : từ 17 đến 55 người ;

— Đoàn múa rối : từ 39 đến 42 ; kịch nói từ 42 đến 50 người.

— Đoàn ca múa nhạc từ 50 đến 65 ; ca múa nhạc kết hợp với một bộ môn kịch nói, hoặc dân ca, hoặc chèo từ 65 đến 82 người. (Biên chế các đoàn sẽ ghi rõ ở bản phụ lục biên chế mẫu kèm theo)⁽¹⁾.

Biên chế này không kể cấp dưỡng, giữ trẻ và lái xe (sẽ bố trí theo nguyên tắc chung, xem bản phụ lục về biên chế kèm theo).

Điều 11. — Khi thành lập đoàn nhất thiết phải có cán bộ chỉ đạo nghệ thuật, sáng tác, đạo diễn, chỉ huy nhạc, diễn viên, công nhân kỹ thuật hậu đài có nghề và số cán bộ này phải được bồi dưỡng về nghiệp vụ.

Từ nay trở đi cán bộ chuyên môn, diễn viên, nhạc công nhất thiết phải qua đào tạo trung cấp trở lên mới được tuyển dụng chính thức vào đoàn, trừ một số bộ môn do đào tạo chưa kịp, có thể tuyển dụng trong tổ chức của phong trào,

(1) Không in bản phụ lục biên chế.

nhưng phải được huấn luyện cơ bản, bằng cách kèm cặp và được sự thỏa thuận của Bộ Văn hóa.

Điều 12. — Các địa phương có trường đào tạo cán bộ nghệ thuật, diễn viên theo đúng chương trình trung cấp được Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp và Bộ Văn hóa công nhận thì số học sinh này khi tốt nghiệp được bổ sung và tuyển dụng vào các đoàn.

B. Về trang bị phương tiện.

Điều 13. — Đề bảo đảm thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, yêu cầu nâng cao chất lượng nghệ thuật, phục vụ được lâu dài, mỗi đoàn nghệ thuật phải trang bị phương tiện và xây dựng cơ sở vật chất cần thiết như :

— Có nhà tập cho đoàn, có sân gỗ, tay vịn, gương soi cho đội múa ;

— Có rạp với hệ thống trang bị thích hợp như phong màn, ánh sáng, phóng thanh, và phương tiện chống nóng, lạnh đảm bảo sức khỏe cho người xem và diễn viên ;

— Có đủ nhạc cụ cần thiết cho đội nhạc (bao gồm cả giá nhạc và ghế ngồi đứng cõ) ;

— Có xe ca chở người, xe tải chở dụng cụ ;

— Từng bước xây dựng đủ nhà ăn, nhà ở, nhà giữ trẻ cho các đoàn.

Về trang bị luyện tập và bảo hộ lao động cho các đoàn, các đoàn phải nghiên cứu áp dụng theo những chế độ của Nhà nước và Bộ Văn hóa ban hành.

C. Về thu, chi ngân sách.

Điều 14. — Các đoàn nghệ thuật phải thực hiện đầy đủ kế hoạch thu, chi đồng thời phải được Ngân sách cấp phát đầy đủ, đúng kỳ hạn theo kế hoạch được duyệt các khoản chi về kiến thiết cơ bản, xây dựng tiết mục, lương và các khoản chi khác của đoàn.

Điều 15. — Các đoàn phải đề cao tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí, tham ô, bảo quản tài sản, quản lý thu chi của đoàn theo chế độ, nguyên tắc chung của Nhà nước.

Điều 16. — Đoàn trưởng các đoàn có quyền ký hợp đồng biểu diễn nghệ thuật và các hợp đồng khác với các ngành, các cơ quan, và các địa phương theo quy định chung.

Chương IV

CHẾ ĐỘ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐOÀN

Điều 17. — Cán bộ, diễn viên và công nhân các đoàn nghệ thuật phải đảm bảo thời gian lao động theo chế độ chung và quy định của đoàn

(thời gian lao động, nghỉ ngơi theo đặc điểm hoạt động nghệ thuật và lưu động của đoàn, Bộ sẽ có văn bản quy định sau).

Điều 18. — Hàng năm các đoàn được dành thời gian để luyện tập, xây dựng tiết mục trong phạm vi 3 tháng, còn 9 tháng biểu diễn phục vụ nhân dân và thực hiện chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước.

Điều 19. — Căn cứ vào hoạt động biểu diễn của từng đoàn, ở từng địa phương khác nhau, số buổi biểu diễn trong 9 tháng quy định như sau (không kể hoạt động phân tán).

a) Các đoàn hoạt động lưu động, biểu diễn ngoài trời, giao thông vận chuyển khó khăn, thì số buổi biểu diễn quy định từ 80 đến 100 buổi.

b) Các đoàn hoạt động lưu động, biểu diễn ngoài trời, giao thông vận chuyển thuận lợi, thì số buổi biểu diễn quy định từ 110 đến 130 buổi.

c) Các đoàn hoạt động vừa lưu động, vừa tĩnh tại, giao thông, vận chuyển thuận lợi thì số buổi biểu diễn quy định từ 130 đến 150 buổi.

d) Các đoàn hoạt động tĩnh tại, biểu diễn trong rạp, thì số buổi biểu diễn quy định từ 180 đến 200 buổi.

Điều 20. — Tất cả cán bộ, diễn viên, công nhân viên trong đoàn được dành một số thời gian để sinh hoạt, học tập :

— Hàng ngày 1 giờ cho diễn viên tự rèn luyện.

— Hàng tuần 1 buổi toàn đoàn họp kiểm điểm công tác trong tuần,

— Hàng tháng từ 1 đến 2 ngày toàn đoàn học tập chính trị, thời sự, chế độ, chính sách.

— Hàng năm từ 3 đến 5 ngày họp sơ kết, tổng kết công tác và từ 7 đến 10 ngày ôn tập văn hóa,

— Thời gian học tập văn hóa, luyện tập quân sự, sinh hoạt các đoàn thề quân chúng theo quy định chung của Nhà nước.

Chương V

VỀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 21. — Các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp địa phương chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ty, Sở Văn hóa về mọi mặt và chịu sự chỉ đạo của Bộ Văn hóa (Cục biểu diễn nghệ thuật) về nghệ thuật.

Điều 22. — Khi có sự ủy nhiệm của Ty, Sở Văn hóa đoàn được trực tiếp quan hệ với ngành của tỉnh, thành phố để đặt quan hệ và giải quyết công tác chung của đoàn.

Điều 23. — Các Ty, Sở Văn hóa phải có kế hoạch từng bước củng cố các đoàn nghệ thuật hiện nay về tổ chức biên chế, trang bị phương tiện, xây dựng cơ sở vật chất và hoạt động theo quy chế này.

Điều 24. — Các Cục, Vụ, Công Ty cung cấp vật tư thuộc Bộ Văn hóa có nhiệm vụ giúp các đoàn về đào tạo huấn luyện cán bộ và diễn viên, về phương hướng kế hoạch hoạt động và cung cấp vật tư chuyên dùng theo kế hoạch cho đoàn.

Điều 25. — Tất cả cán bộ, diễn viên, công nhân viên trong đoàn phải nghiêm chỉnh và gương mẫu thực hiện quy chế này. Phải hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Hoạt động nghệ thuật ngoài đoàn phải có sự phân công của đoàn.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. — Quy chế này áp dụng cho tất cả các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp hiện có và các đoàn sẽ thành lập.

Điều 27. — Những quy định trước đây trái với quy chế này đều bãi bỏ.

Hà-nội, ngày 8 tháng 2 năm 1973

Bộ trưởng Bộ Văn hóa

HOÀNG MINH GIÁM

ỦY BAN BẢO VỆ BÀ MẸ VÀ TRẺ EM

TRUNG ƯƠNG

THÔNG TƯ số 3-UB/TT ngày 20-2-1973 quy định một số chế độ đối với cán bộ thuộc các đội đặt vòng lưu động.

Thực hiện nghị quyết số 94-CP ngày 13-5-1970 của Thủ tướng Chính phủ về cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch, được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Bảo vệ bà mẹ và trẻ em trung ương đã ra quyết định số 4-QĐ/UB ngày 18-1-1972 tổ chức các đội đặt vòng lưu động để làm công tác đặt vòng tránh thai tại các cơ sở.

Đề tạo điều kiện cho cán bộ hoàn thành công tác tốt, bảo đảm sức khỏe và nâng cao trình độ

văn hóa chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ sau khi được sự thỏa thuận của Bộ Lao động tại công văn số 778 LĐ/BCTL ngày 14-9-1972; công văn số 835 LĐ/TL ngày 14-9-1972 và công văn số 433 TC/HCVX ngày 29-12-1972 của Bộ Tài chính,

Ủy ban bảo vệ bà mẹ và trẻ em trung ương ra thông tư quy định một số chế độ đối với cán bộ thuộc các đội đặt vòng lưu động như sau :

1. Lương.

Các bác sĩ và y sĩ thuộc các đội đặt vòng lưu động được hưởng mức lương theo như quy định trong thông tư số 15-BYT/TT ngày 1-7-1966 hướng dẫn việc cải tiến tiền lương và tăng lương của Bộ Y tế, cụ thể như sau :

— Nếu lưu động tại vùng đồng bằng, trung du, xếp nhóm II ;

— Nếu lưu động tại miền núi, hải đảo, xếp nhóm I.

2. Trang bị bảo hộ lao động.

a) Ở với miền núi, mỗi người được trang bị :

— Một đôi giày vải (kiểu bộ đội) dùng trong 1 năm,

— Một nón lá hay mũ lá dùng trong 1 năm,

— Hai mét vải bạt dùng trong 3 năm,

— Hai mét nilông (PVC) dùng trong 3 năm.

b) Ở với miền đồng bằng và trung du, mỗi người được trang bị :

— Một đôi dép cao su loại tốt dùng trong 4 năm (mỗi năm thay quai 1 lần).

— Một nón lá dùng trong 1 năm,

— Hai mét nilông (PVC) dùng trong 3 năm.

Nguyên tắc cấp phát, sử dụng, bảo quản theo như thông tư số 13-LĐ/TT ngày 29-6-1972 của Bộ Lao động.

3. Tiêu chuẩn định lượng lương thực.

Các cán bộ thuộc đội đặt vòng lưu động được mua cung cấp theo tiêu chuẩn 15 kg lương thực hàng tháng, không kể tiêu chuẩn ăn sáng theo công văn số 477-TL/CC ngày 9-4-1968 của Tổng cục lương thực đã thỏa thuận với Bộ Y tế.

4. Các chế độ khác.

a) Chế độ đối với lao động nữ :

Các đội lưu động cần bố trí lao động hợp lý, trong thời gian chị em có kinh nguyệt nói chung không nên đi chuyển xa, hoặc làm các công việc nặng nhọc.